

Con đường Tiến Đức Tu Nghiệp *theo 9 quyển Kinh Dịch và Thánh giáo Cao Đài*

Lý Khiêm

A. LÀM GÌ ĐỂ TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP?

Tiến đức Tu nghiệp, trong ý nghĩa súc tích nhất, là sự tu tập thân tâm để bên trong thì đức hạnh vẹn tròn, còn bên ngoài thì ứng xử đúng mực đạo lý.

Thoạt nghe có vẻ đơn giản. Bởi trong cuộc sống ai cũng muốn có điều tốt đẹp và cũng biết rằng những hành vi tử tế sẽ được phản hồi bằng sự tử tế. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống phức tạp hơn nguyên tắc phát biểu bằng câu chữ. Trong một cộng đồng cổ súy lối sống thực dụng, khuyến khích sự giàu có vật chất, ủng hộ vô điều kiện với mọi sự thỏa mãn đời sống tinh thần của cá nhân... thì sự thành thật giữa con người với nhau là khó, mà thành thật với chính mình lại còn khó khăn hơn. Rất nhiều lúc, ta mâu thuẫn với bản thân, nguyên tắc sống đẹp mâu thuẫn với thực tế khô cần phẩm giá nhân sinh. Con người, trong những khoảnh khắc đó, dễ dàng phải chấp nhận giải pháp hướng đến sự tồn sinh có tính vật chất hơn là phẩm giá đạo đức hay giá trị

luân lý. Mâu thuẫn đó thường là giết chết sự thống nhất giữa thân và tâm, giữa thần và xác. Và con người bị giằng xé đôi đường hoặc hoàn toàn thiên lệch ở một thái cực nào đó.

Thế nên, đức và nghiệp là hai vấn đề cần có thời gian và thử thách để hình thành nhận thức tròn vẹn khả dĩ giúp người tu học có khả năng vượt qua những giằng xé, và không để mình rơi vào một thái cực nào mà đời sống nhân sinh vốn thường có đủ lý lẽ để dẫn dắt ước muốn tồn sinh thay vì giá trị tâm linh.

Với giáo lý Cao Đài, có lẽ, thực hành công quả và công trình là tương ứng với nội dung của tiến đức tu nghiệp. Để có thể nhận biết mối liên quan này, ta thử tìm hiểu chương Bảy, Hệ từ hạ của Chu Dịch. Thông qua phần này, đức Khổng Thánh đã lý giải cho hậu thế thực hành chín phương diện, cũng được xem là chín bước rèn luyện tâm đức, hạnh nết để hiểu biết về cảnh gian khó và lo âu mà cố gắng vượt qua. Nhưng có lẽ, sự liên hệ giữa chín bước này với tiến đức tu nghiệp được Đức Thánh Trần Hưng Đạo từng bước giải thích:

Lần 1, khi bàn về sự lo âu, sợ sệt (tịch dịch) trong hào ba quẻ Kiền, Ngài dạy:

“Thế là phải làm gì để hết run sợ? – Phải theo câu “quân tử tiến đức tu nghiệp”.

Tiến đức nghĩa là sao? – Phải làm cho lòng lành được nảy nở, phải xây dựng bản thân con người đạo đức để tiến lên bậc Thánh Hiền, thì bắt đầu phải đi từ 1 đến 10, cần trải qua một chương trình thứ lớp.”¹

1. Châu Dịch Xiển Chơn, Nguyễn Minh Thiện kết tập, Nxb Tôn Giáo, 2013, trang 158. Ý “từ 1 đến 10” có lẽ chỉ là một cách nói để diễn đạt ý “chương trình thứ lớp” chứ không trực tiếp nói về số bước, số lớp hay cụ thể là chín quẻ tiến đức tu nghiệp: Lý, Khiêm, Phục, Hằng, Tốn, Ích, Khốn, Tỉnh và Tốn.

Trong lời dạy này, Đức Thánh Trần đã liên kết hai ý niệm tiến đức tu nghiệp và chương trình thứ lớp.

Lần 2, khi luận về phần tiến đức theo chín quả Lý, Khiêm, Phục, Hằng, Tồn, Ích, Khốn, Tỉnh và Tồn, Đức Thánh Trần dạy thêm:

*“Đó là chín đức của chín quả để cho ta lấy đó tiến tu về đường đạo hạnh.”*²

Lần 3, khi bàn về phần tu nghiệp, Đức Thánh Trần dạy:

*“Đó là tài đức chín quả, mà Thánh Nhơn cần sử dụng thông hành trong thiên hạ, để tiến đức tu nghiệp.”*³

Lần 4, khi bàn phần công dụng của chín quả, Đức Thánh Trần đúc kết:

*“Đó là công phu tiến đức tu nghiệp.”*⁴

Qua bốn lần bình giảng hào ba quả Kiền, đức Thánh Trần đã giúp ta hiểu được mối liên kết giữa quan niệm tiến đức tu nghiệp với chín quả được đề cập trong chương Bảy, Hệ từ hạ. Sự liên hệ này đưa đến cho người tu học hai điểm quan trọng:

(1) Tiến đức tu nghiệp là chương trình thứ lớp. Điều đó có nghĩa muốn thực hành tiến đức tu nghiệp phải tuần tự thực hành từng bước theo tuần tự từng quả: từ Lý đến Khiêm, từ Khiêm đến Phục, từ Phục đến Hằng, từ Hằng đến Tồn, từ Tồn đến Ích, từ Ích đến Khốn, từ Khốn đến Tỉnh và từ Tỉnh tới Tồn. Cũng từ đây, trong Dịch lý ta có tên của phần học tập Chín Quả Tiến Đức Tu Nghiệp.

(2) Tiến đức tu nghiệp là con đường tu học tinh tấn để thoát

2. Châu Dịch Xiển Chơn, Nguyễn Minh Thiện kết tập, NXB Tôn Giáo, 2013, trang 162.

3. SĐD trang 165.

4. SĐD trang 167.

khỏi cảnh chông chênh, lo âu và nhiều hoạn nạn. Hay nói cách khác, tiến đức tu nghiệp là phương cách an tâm – định trí, hiệp nhất tri-hành trước cảnh biến thiên của trần gian.

Như vậy, muốn tiến đức tu nghiệp phải (1) tu học theo nội dung chín quẻ và (2) an định được tâm và trí. Hay nói cách khác, người tu học chín quẻ tiến đức tu nghiệp phải có hiểu biết về đức hạnh và thực hành được những hiểu biết đó trong chính đời sống tu học của mình. Để tu học theo nội dung của chín quẻ, không gì khác hơn là đào sâu nội dung từng quẻ; để đạt chỗ an định được tâm trí phải thấy chỗ thực hành của điều đã học được. Thế nên, từ đây trở đi, người viết cố gắng trình bày sự học hiểu về hai vấn đề này.

B. Ý NGHĨA CỦA CHÍN QUẺ TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP

Lý, Đức chi cơ (履, 德之基) nghĩa là quẻ Lý bàn về nền tảng, căn cơ của Đức. Nền tảng đó được biết là hòa, như trong câu: Lý, Hòa nhi chí (履, 和而至). Bởi lẽ, hòa là đức hạnh căn cơ của đạo Trời trong nhân gian, nên phải dụng hòa để thực hành trong đời sống. Hay nói khác, Hòa là sự sống khởi nguồn cho đời sống nhân sinh. Truyện văn viết: Lý dĩ hòa hành (履以和行), nghĩa là quẻ Lý giải nghĩa lý của việc thực hành chữ hòa trong nhân sinh.

Khiêm, Đức chi bính (謙, 德之柄) nghĩa là quẻ Khiêm bàn về chỗ cầm nắm được của Đức. Chỗ ấy được hiểu qua hai phẩm chất tôn – cao quý và quang – sáng tỏ, như câu: Khiêm, Tôn nhi Quang (謙, 尊而光). Cả Tôn và Quang đều là hai đức thể hiện bản thể Đạo vốn thanh thoát trong nhân gian, nên phải đạt được hai đức ấy để cảm hóa nhân sinh. Sự cảm hóa ấy là ý nghĩa của

chữ bính (柄) – cầm nắm được. Hay nói khác, nhân sinh nắm bắt được thể Đạo là nhờ hai đức tôn và quang bày hiện được ra ngoài và lan tỏa đến lòng người. Để được hai đức ấy, và thấu hiểu được phải có phương thức đặc trưng mà truyện văn viết: Khiêm dĩ chế lễ (謙以制禮) nghĩa là quẻ Khiêm giải nghĩa lý của việc hành theo lễ để đạt được chỗ tôn và quang khiến người người có thể cảm nhận được hai cái đức ấy. Hay nói khác, lễ chính là phương thức đạt được đức tôn-quang, và cũng là phương thức nhận biết phẩm chất tôn-quang.

Phục, Đức chi bản (復, 德之本), nghĩa là quẻ Phục bàn về cái gốc, cái căn của Đức. Căn gốc ấy được hiểu như là sự nhận biết vạn hữu, hay còn là trí lực. Cái trí lực ấy có thể nhận biết sự vật từ chỗ nhỏ nhất như câu Phục tiểu nhi biện ư vật (復, 小而辨於物). Đó là nói về năng lực của Phục. Cái căn gốc của Đức, có thể thấy rằng, nằm ở phạm vi của trí lực. Cụ thể là cái trí lực ấy ngoài thì nhận biết vạn hữu, trong thì làm rõ về mình, nên lời truyện viết: Phục dĩ tự tri (復以自知). Chính chỗ biết như thế mới làm nên căn gốc của Đức. Hay nói khác, quẻ Phục minh định nghĩa lý của sự tự biết bản thân trong một tổng thể rộng lớn hơn mình là một đức sáng. Chỗ biết ấy dẫu nhỏ vẫn nhóm lên năng lực hành vi đạo đức của con người. Chẳng phải người ta thường cho rằng tự biết chính mình là đức hạnh sáng hay sao?

Hằng, Đức chi cố (恆, 德之固), nghĩa là quẻ Hằng bàn về cái bền chắc và yên định của Đức. Sự bền chắc và yên định đó thể hiện lý của Đạo là bất biến và thường hằng trong dòng nhân sinh vốn đa đoan và đa diện. Thế nên hễ ai giữ được sự bền chắc và yên định không bị sự đa đoan, đa diện của trần sinh câu thúc là thực hành đức của Hằng. Lời truyện viết: Hằng, tạp nhi

bất yếm (恆, 雜而不厭), nghĩa là quẻ Hằng nói về lòng không chán nản dù sống trong cảnh tạp nhạp, đa đoan. Không chán nản là nói về thái độ của người sống lý tưởng, còn bàn về phương châm sống theo lẽ Hằng thì như lời truyện viết: Hằng dĩ nhất đức (恆以一德), tức quẻ Hằng chỉ dạy cách sống chuyên nhất theo lẽ sống thanh cao.

Tổn, Đức chi tu (損, 德之脩), nghĩa là quẻ Tổn bàn về sự tu sửa, trau dồi Đức. Sự trau dồi này được thực hành bằng cách thực hành những việc khó trước để về sau có thể thực hiện những việc đó dễ dàng, hoặc về sau gặp những việc dễ thực hành. Lời truyện viết: Tổn, tiên nan nhi hậu dị (損, 先難而後易). Một trong những cái khó thực hiện nhất, theo như quẻ Tổn muốn đề cập trong nội dung của quẻ và hào, chính là bỏ điều bất thiện của bản thân⁵. Người có thể thực hành điều khó như thế trước tiên, tất nhiên sẽ có đủ tài đức mà không phạm lỗi lầm, tránh tai họa về sau. Lời truyện, thế nên, viết rằng: Tổn dĩ viễn hại (損以遠害), nghĩa là quẻ Tổn bàn cách tránh xa điều nguy hại. Thế nên, đức của Tổn nằm trong ẩn ý của tiên nan, tức là đức của người biết bỏ điều bất thiện của bản thân.

Ích, Đức chi dụ (益, 德之裕), nghĩa là quẻ Ích bàn về sự dồi dào của Đức. Muốn làm cho Đức được dồi dào luôn luôn, người tu học phải thường xuyên hướng tâm về sự thiện, tức thời cải sửa khi lỡ phạm điều sai trái. Có làm như vậy mới có thể giữ

5. Bỏ điều bất thiện, thật ra, nằm trong nội dung của Đại tượng: Sơn hạ hữu trạch, Tổn; quân tử dĩ trừng phần, trất dục (山下有澤, 損; 君子以懲忿窒欲), nghĩa là quẻ Tổn có tượng là dưới núi có đầm nước; người quân tử phải bỏ sự giận, ngăn sự tà (LK tạm dịch).

cho đức hạnh được sáng tỏ lâu dài và lan tỏa đến với mọi người xung quanh một cách tự nhiên, không cần đến kỹ xảo ngoại giao nào. Lời truyện cũng viết: “Ích, trường dụ nhi bất thiết” là nghĩa đó. Cho nên, thực hành rèn luyện đức hạnh theo quẻ Ích có nghĩa là phải làm cho sự lợi lạc cho mọi người theo đúng lẽ Đạo. Đức của quẻ Ích nằm trong hai chỗ: (1) làm cho dồi dào lâu dài và (2) không phô bày, phô trương về sự dồi dào đó. Hai thái độ đó thực sự làm nên đức hạnh của người tu học và làm cho ý nghĩa của chữ Đức đúng đắn hơn bao giờ hết. Những điều lợi, do vậy, được người tu học theo tinh thần quẻ Ích đem đến cho cộng đồng bền bỉ, đúng đắn; khác với một tâm thế vị lợi phi nghĩa, làm lợi trước mắt, quên lợi về sau... Nên truyện viết: “Ích dĩ hưng lợi”, tuy ngắn nhưng lại hàm chứa nội dung sâu sắc và toàn vẹn.

Khốn, Đức chi biện (困, 德之辨), nghĩa là quẻ Khốn bàn về cách biện phân của Đức. Có thể hiểu “biện phân của Đức” là (1) nhờ Đức mà có sự phân biệt, (2) sự phân biệt phải phù hợp với Đức, (3) sự phân biệt thế nào là hành động hợp với Đức. Dù hiểu theo cách nào đi nữa, ta cũng sẽ chấp nhận với nghĩa lý của phần truyện: “Khốn cùng nhi thông”, tức quẻ Khốn nói về hoàn cảnh cùng tận khó khăn mà vẫn có thể vận hành hanh thông trôi chảy. Cái nghịch lý đó có thể hiểu được là bởi sự cùng tận là cảnh, sự hanh thông là tâm. Cái nhìn và sự thấy thuận theo lẽ Đạo thì sự trắc trở được biết là lẽ thường, nên bản tâm thông suốt mà an lạc để rồi thành ra kiên cố hành sự không nao núng, biến thiên theo cảnh. Đức của Khốn vì vậy nằm trong ý nghĩa của câu: “Khốn dĩ quả oán”, tức quẻ Khốn dạy người tu học bỏ bớt sự oán giận, sân si. Lòng người buông bỏ được sân hận, oán hờn không phải muốn là được, cần thiết là cải đổi ngay. Đó là

đức hạnh phải trui rèn trong thời gian dài, trong hoàn cảnh khó khăn thật sự.

Tĩnh, Đức chi địa (井, 德之地) nghĩa là quẻ Tĩnh bàn về nghĩa lý, phẩm chất của đất thể hiện như là Đức của người qua hình ảnh cái giếng nước. Khi nói về nghĩa lý, phẩm chất của đất qua hình ảnh cái giếng, ta có thể liên tưởng đến hai thứ: đất–nước. Cả hai đều là những biểu tượng tượng trưng cho đạo Khôn: nhu thuận ứng hành theo Kiền đạo. Lời truyện viết thêm: Tĩnh, cư kỳ sở nhi thuyên (井, 居其所而遷), nghĩa là quẻ Tĩnh nói về hình ảnh cái giếng tuy ở một nơi nhưng có thể lan tỏa đến mọi nơi. “Ở một nơi” – cư kỳ sở tương ứng với tính chất tĩnh tại của đất; “lan tỏa đến mọi nơi” – thuyên tương ứng với tính chất luân lưu của nước. Dù là “ở một nơi” hay “lan tỏa đến mọi nơi” thì quẻ Tĩnh đều nhắc người tu học về thực hành đức nhu thuận của đạo Khôn. Quan trọng của hạnh nhu thuận là phải biết điều nghĩa mà hành, điều phi nghĩa mà tránh. Lời truyện viết: Tĩnh dĩ biện nghĩa (井以辯義), nghĩa là phải biết phân biệt điều nghĩa, điều đúng để hành cho hợp với đạo lý. Đức của quẻ Tĩnh nằm ở chỗ theo thời mà hành động theo đúng đạo nghĩa. Như Văn Ngôn quẻ Khôn cũng có viết: Khôn chí nhu, nhi động dã cương; chí tĩnh nhi đức phương (坤至柔而動也剛, 至靜而德方), nghĩa là Khôn cực nhu thuận, nhưng khi động thì cương kiện; cực yên lặng mà đức lan tỏa bốn phương. Có thể nói, quẻ Tĩnh là một hữu thể tượng trưng cho đạo Khôn trong đời sống nhân sinh, thể hiện sự sống vĩnh hằng luân lưu trong nhân gian được tập trung lại trong giếng nước tiếp tục nuôi sống đời sống thế gian.

Tốn, Đức chi chế (巽, 德之制) nghĩa là quẻ Tốn bàn về

sự đặt ra lý lẽ, hành động hợp với Đức. Tốn có nghĩa là thuận theo, nhún thuận và khiêm cung. Sự đặt lý lẽ và hành động trong quẻ Tốn tất không dùng hình áp đặt mà trái lại có tính giáo dục, hướng đạo hơn. Đức của Tốn có thể nói nằm trong sự thận trọng và cân nhắc trong mỗi suy tư và hành động. Cũng không gì khó hiểu nếu ta lại hiểu quẻ Tốn là cái Đức của người biết kiềm chế. Lời truyện viết thêm: Tốn, xứng nhi ẩn (巽, 稱而隱), nghĩa là quẻ Tốn dạy về thái độ cân nhắc, thận trọng không phô trương khi hành động hay đặt ra lý lẽ cho những việc làm hợp với Đức. Từ Lý đến Tốn là hành trình 9 bước tu học liên tục. Ở Tốn, bước tu học theo phương châm tiến đức tu nghiệp cuối cùng, đức hạnh cũng gọi là trọn vẹn để thể hiện con người có đủ đức và tài. Đây là lúc, người tu học mới có khả năng giữ mình khỏi những lạc lăm, giữ tâm khỏi những câu thúc nơi đời sống. Lời truyện viết: Tốn dĩ hành quyền (巽以行權), nghĩa là quẻ Tốn bàn về cái đức của người hành động quyền biến nhưng vẫn hợp lẽ Đạo.

C. TỪ CHÍN QUẺ ĐẾN CHÍN BƯỚC TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP

Bước 1: Thiên Trạch Lý

Ở bước sơ cơ này, người tu học thực hành tu dưỡng tâm hòa ái để hòa đồng cùng mọi người qua hình thức lễ nghi, trật tự. Đây là hành trình chuyển từ nỗi sợ sang đức tin rồi đến lý trí, mà kết quả rất rạo của hành trình này là hạnh hòa. Khái niệm nỗi sợ trong bước đầu này không hoàn toàn là sự khiếp hãi của cảm xúc. Nỗi sợ chính là thái độ căn cơ, nguyên thủy nhất trong tâm của người tu học. Ta nên hiểu nỗi sợ theo nghĩa thận trọng trong

hành vi và suy nghĩ về một trật tự khả dĩ tri nhận được. Điều này sẽ giúp con người hình thành niềm tin và ổn định khuynh hướng suy tư và cuối cùng là lấy kết quả suy tư đó làm chuẩn mực cho hành động hài hòa trong đời sống nhân sinh. Có thể nói rằng, cách tu dưỡng của quẻ Lý là suy tư và lo liệu về tính đúng đắn của hành vi và suy nghĩ (nỗi sợ) để thấy được trật tự hợp lý (lẽ) rồi hòa đồng cùng với hoàn cảnh được nhận thức đó (hòa). Cả nỗi sợ, lẽ nghi và hòa hạnh đều là cơ năng của Đức.

Đức Lê Đại Tiên dạy: *“Giai đoạn đầu của đời là giai đoạn hy sinh của người hành đạo. Hy sinh thiết thực đời sống vô vị để trở thành một đời sống hồn nhiên trong lịch sử. Căn bản chỉ do lòng nhân đừng dãi dụa là không phạm giới sát sanh; việc nghĩa thấy chẳng bỏ qua là ngăn điều đạo tặc; giữ lễ không rời là trọn hơn phẩm; cái trí minh định sẽ vững lập trường thì không say sưa điên loạn, khỏi giới tửu nhục, thân thể chẳng suy vong; thủ tín sẽ đem lại lòng tin, lòng tin sẽ tạo được thế hợp quần, hợp quần là sức mạnh, sức mạnh đem đến cho mọi người sự sáng suốt ở tinh thần, ở niềm vui tươi hòa ái, lòng tin hợp quần sức mạnh, hòa ái, sẽ hàn gắn mọi sứt mẻ hoài nghi.”*⁶

Bước 2: Địa Sơn Khiêm

Ở bước thứ 2, người tu học thực hành những hành động phản ánh được công bình của đạo Trời, công chính của đạo Đất và chính trực của đạo người để làm rõ phẩm chất cao quý và sáng rõ của lẽ Đạo phổ quát, vốn không thể bị hạn chế bởi sự cao-thấp, sang-hèn, già-trẻ... Cao quý và sáng rõ là hai phương diện của chân lý, của giá trị Chân-Thiện-Mỹ mà người tu học theo đuổi. Đó là

6. Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).

phẩm chất mà mọi suy tư, mọi hành vi đều nhắm tới để nắm bắt, cầm nắm như là một nguyên tắc để hành theo đúng phép tắc.

Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có lời khuyên người tu học: *“Dù chư đạo hữu tuổi cao tác lớn, nhưng chư đạo hữu là tấm gương, là đường lối, là ý thức hệ của hậu tấn tương lai, do đó chư đạo hữu tuổi càng cao, càng phải tất lực chí thành để phát huy đạo lý giúp đỡ cho mọi người, cho những kẻ hậu sinh ý thức được chánh đạo.*

Các bậc Thế Tôn Giáo Chủ ngày xưa đều thành đạo, đạt đạo sau khi cởi bỏ xác phàm, các bậc ấy đã quên mình hiển mình để phụng sự Thiên cơ, dắt dìu nhân loại cho đến suốt cuộc đời, vẫn còn lưu lại âm ba đức độ để ghi thành kinh, chép thành sách cho đời học hỏi. Người tu hành, người học đạo cũng do lòng ái mộ thâm nhiễm đức độ của các bậc ấy qua kinh sách mà tu.

Duy có một điều đáng tiếc là tu hành trong thời bây giờ chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc đời hỗn loạn, nên sự tu hành ít người đạt đến lý chân chính để ngộ nhập huyền vi đạo pháp, chỉ chuyên về tập thể của khuôn sáo, nuôi dưỡng ý thức riêng tư, nên không tránh khỏi sự thiên chấp vô minh của cá tánh. Vì đó mà tự tánh vẫn đục trong dòng nước ô trược của hồng trần, để minh châu không xuất hiện được.”⁷

Bước thứ 3: Địa Lô Phục

Sau khi thấy được nền móng – lễ hạnh, biết chỗ để nương theo – phẩm cao quý và sáng rõ, bước tiếp theo là nhận thức về tự thân trong mối tương liên với ngoại hữu làm căn gốc cho sự hiểu biết. Sự hiểu biết tròn vẹn đó là Đức mà người tu học theo quẻ Phục

7. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

phải nhắm đến. Phục là phản phục, là trở về với Đạo. Thế nên, không khó hiểu nếu nói rằng Phục là để tự biết mình – tự tri. Tự tri là nhận biết bản thân mình từ khoảnh khắc mong manh trong ngổn ngang thế sự đa đoan, đa diện.

Đức Mẹ từng lo lắng để lời răn dạy: “(...) Mẹ rất thương các con sống trong vòng trần lụy, biết bao nhiêu sự cám dỗ của trò đời, đến khi vào cửa đạo lại phải chịu nhiều thử thách cam go, nhiều điều quyến rũ của tà thần chước quỷ, nên lắm lúc các con tự thấy mình chán đạo và chán sự tu hành. Con ôi! Cũng bởi con không chịu mình định bản tâm để lắng dịu các điều dục vọng, hầu trông thấy ánh sáng của khiếu linh quang, hầu suy tưởng điều tà lễ chánh, cứ mãi vui say bày bạn, tách pháí phân phe, để rồi chị gạt em, em làm chị. Trong cảnh cốt nhục tương tàn, mà các con lại chẳng buồn than, vẫn vui cười cho đến khi gặp cảnh đương đầu thọ nạn. Chừng ấy, con mới nhìn lại, thì bạn bè xa vắng, mà đường lối lại có nẻo vào, chẳng có nẻo ra, phải lẫn quẩn trong kiếp nạn chúng sanh, rồi rốt cuộc luân hồi nghiệp quả. Mẹ rất thương xót các con.”⁸

Bước 4: Lôi Phong Hằng

Với 3 bước cơ–bính–bản, người tu học xây dựng cái nhìn căn cơ cho con đường tu học để tiến đức tu nghiệp. Từ bước Lôi Phong Hằng, người tu học bước vào sự thực hành những điều đã đạt được về mặt tinh thần trước đó.

Ở Lôi Phong Hằng, người tu học phải biết cách gia cố lòng tin cho cái nhìn căn cơ để dưỡng nuôi bản tâm bình thường và vô ngại trong cảnh trần sinh lộn lạo vàng thau và đen trắng.

8. 8 Vạn Quốc Tự, 20–11 Ất Tỵ (12–12–1965).

Nhờ cái tâm đã có phần an định khiến ta không thái quá trong việc chấp nhận lý vô thường mà sinh ra lòng thờ ơ để rồi phế cuộc trần đi mong cầu chốn thanh nhàn cho thân xác với mộng tưởng thần tiên và đắc đạo. Bài học sâu sắc từ Lô Phong Hằng không nằm trong hai ý niệm hằng thường hay vô thường, mà kỳ thực nằm trong ý niệm nhất đức, mà Thánh giáo Cao Đài thường dùng khái niệm như: tâm bất thoái chuyển, nhất tâm nhất đức...

Khi luận bàn về trách nhiệm của người hướng đạo, Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy rằng: *“Trách nhiệm của người hướng đạo hiện thời rất nặng nề, rất cam go, nhưng trên cõi vô thường này là cõi tạm, mọi việc đều tạm hết. Có mưa nào mà chẳng tạnh, có nắng nào mà không dịu lúc hoàng hôn, có đêm dài nào mà không nhường lại cho ánh bình minh ban mai xán lạn. Nhưng lúc giao thời cũng phải trải qua những trận mưa to, những cơn nắng cháy, những đêm dài âm u. Phải bình tĩnh sáng suốt nhận định đường lối mà tiến thân, đừng bôn chôn nóng nảy, đừng khiếp đảm hoang mang, phải khoan dung tha thứ, phải trầm tĩnh bình tâm như dòng nước mãi mãi luân lưu trong chỗ luân lưu, vượt qua những thác những gành, những khe những rạch quanh co uốn khúc ngoằn ngoèo từ thấp đến cao, chỗ lồi chỗ lõm, luôn luôn phải giữ tánh chất của nước.”*⁹

Bước 5: Sơn Trạch Tổn

Tổn là giảm bớt. Từ giảm bớt đến buông bỏ những cái thuộc về bản thân mình để làm lợi cho những gì lớn hơn bản thân. Đó là hành động hy sinh hay nói khác là sự chịu thiệt về phần mình

9. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

để lo liệu cho tha nhân. Bước thực hành này thử thách người tu học rất nhiều, nhất là vào thời đại mà lợi ích vật chất đang thực sự chi phối đời sống nhân sinh. Nhưng nếu không thực hành được bước này thì không thể thực tập được sự buông bỏ cái riêng tư, độc đoán nhằm mở đường tu tiến về sau.

Đức Ngô Minh Chiêu dạy: *“Mỗi người đều có một sứ mạng chung, đó là: tu thân hành đạo, làm sáng danh đạo, đem đạo độ đời từ chỗ tội lỗi hung ác trở lại đường thuần lương thiện mỹ, để có thể biến cảnh thế gian này trở thành cõi Thiên Đường Cực Lạc, lập lại đời Thượng Ngươn Thánh Đức. Chừng đó, giữa con người và con người đều lấy tình thương yêu ruột rà đối xử với nhau trong tình tương thân tương trợ.”*¹⁰

Bước 6: Phong Lô Ích

Nếu Sơn Trạch Tồn là thực hành buông bỏ tham dục của bản thân để dự phần vào cái toàn thiện, thì Phong Lô Ích là phần toàn thiện mà người tu học đã góp vào. Giờ đây người tu học phát huy cái thiện đó thêm hơn nữa nhằm đem đến lợi lạc cho tha nhân đại chúng. Mặt khác, có thể cho rằng quẻ Tồn tương ứng với khảo nghịch; quẻ Ích tương ứng với khảo thuận. Quẻ Tồn dạy về sự chịu thiệt để tu thân, quẻ Ích dạy phải biết cách ban phát để rèn luyện tâm tánh. Hai quẻ này là hai phương diện tu hành đối với người tín hữu Cao Đài, mà Ích là sự thực hành lễ Đạo đem đến cho nhân sinh lẽ thật và sự sáng.

Đức Chí Tôn có lần nhắc nhở người nhân viên của Cơ Quan Phổ Phong Giáo Lý: *“Các con rất diễm phúc mà được gặp đích thân*

10. Cao Đài Hội Thánh, 14-3 Đinh Mùi (23-4-1975).

Thầy đến mở đạo tại góc đất Việt Nam này, đem chánh pháp phổ truyền, đem lòng từ bi ân xá, để các con nào sớm giác ngộ cùng giác tha những kẻ còn đứng ngoài vòng Đạo giáo trở về mái nhà lương thiện, cùng nhau hấp thụ điển lành cùng đạo lý, để làm động lực thúc đẩy bản thân thi hành công đức, phổ độ chúng sanh được thuần lương thiện mỹ, hầu tái lập đời Thượng ngươn Thánh đức.”¹¹

Bước 7: Trạch Thủy Khốn

Cả Tổn và Ích đều là những trải nghiệm quý giá của người tu học. Đến Trạch Thủy Khốn là bàn về phần lý tính trong những khảo thí đối với việc tu thân của mỗi người. Hay nói cách khác, Khốn bàn về cách giữ trí được sáng trong hoàn cảnh khó khăn, đầy khảo thí. Bởi lẽ, cách rèn luyện năng lực trí tuệ không gì tốt hơn là chiêm nghiệm những giá trị, phẩm hạnh từ những vắn nạn, thử thách. Thấy được, học được những giá trị hay phẩm hạnh đó không chỉ là vấn đề lý thuyết, tạo ra những giá trị ảo tưởng để gọi là đức hạnh. Điểm quan trọng, mà cũng là chỗ dụng của Đức, chính là tâm không còn vướng mắc vào những thị phi, giận dữ và oán than. Nhờ thái độ hay tâm thế như vậy, người tu học mới tiếp tục có hành động đúng đắn trong hành trình tu tiến của bản thân. Đó là cách của bậc hiền nhân quân tử sống ở thế gian. Với người tu học theo giáo lý Cao Đài nói chung, hay người hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cũng có chung một tinh thần như thế vậy. Đức Lý Giáo Tông từng căn dặn: *“Những ai có sứ mạng phổ giáo Đạo Trời, nên hiểu như vậy: mình đang làm việc cho Thượng Đế, cho nhơn sanh, cho thế hệ ngày mai, không*

11. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

phải vì những trở ngại thiển cận rồi thói chí ngã lòng. Một đoàn người thức đêm, khi nghe sức chịu đựng trong đêm trường đã uể oải, là báo hiệu ngày mai tươi sáng sắp đến. Hãy vui mà tiến, hiệp mà hành, tin để đạt cho kỳ được công quả trọng đại ấy.”¹²

Bước 8: Thủy Phong Tĩnh

Tĩnh là bước lắng lòng, sau những trận phong ba, những cơn sầu bi hỉ nộ để những giá trị Chân-Thiện-Mỹ đã huân tập ở nhiều lần trải nghiệm, nhiều phen thăng trầm vẫn giữ được một đức trung chính được thể hiện một cách tự nhiên, lan tỏa đến những góc ngách tâm hồn trong cộng đồng nhân loại. Chí hướng của người tu học trong bước này tập trung vào việc đúng phải làm, việc thiết thực cần thực hiện để phổ tế quần sanh trong cõi tạm, phổ truyền chánh pháp chơn tu, mà vẫn cư kỳ sở, tức luôn luôn trao dồi đạo hạnh tự thân. Lấy năng lực tự tại làm thể năng tạo sự chuyển hóa thành động năng phổ hóa.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế cũng từng giảng dạy về việc tu thân, rèn luyện bản tâm như ý nghĩa này: *“Thử đặt một tiêu chuẩn để làm thước đo phẩm hạnh cùng công quả của người tu. Tỷ dụ: Muốn được vào hàng Thiên phong giáo phẩm, hãy tự kiểm điểm xem mình đã hiểu luật pháp đạo, phẩm hạnh đạo, công quả phổ độ chúng sanh, chay lạt, nghi thức, lễ bái, cùng trình độ hiểu biết về văn hóa cũng như về giáo lý đạo đã đến đâu, có xứng với hàng giáo phẩm ấy chưa? Nếu xứng, dầu chưa được vào hàng ấy cũng tự vui thú ở nội tâm. Bằng chưa xứng, dầu được mang lấy danh từ ấy vào, nhưng trước mặt cảm của nhơn sanh và tự tâm mình thâm hiểu, đó là điều khổ vậy.*

12. Ngọc Minh Đài, 15-01 Đinh Mùi (23-02-1967).

Đứng trước một hoàn cảnh phũ phàng, bị người bạc đãi, hãy tự kiểm điểm xem mình có tác phong đứng đắn, tư cách nghiêm trang với người đối diện cùng chăng? Nếu có, cũng tự thầm vui, vì sự phũ phàng ấy tự người gán cho mình. Ngược lại, nếu tại bởi mình thiếu sót, thì hãy ôn tồn vui vẻ tu tỉnh cho được đầy đủ xứng đáng hơn.

Tạm giải hai điều đó để chư hiền đệ muội về nhà suy xét, kèm chế tâm trung để trở nên người đoan trang phẩm hạnh đạo đức.

Phẩm vị thần tiên không khó, danh vị ở đời cũng không khó, chỉ khó là lòng mình, nhân cách mình, tác phong cùng phẩm hạnh chưa xứng đó thôi.”¹³

Bước 9: Bát Thuần Tố

Bát Thuần Tố là bước cuối cùng trong 9 bước tu tánh của người tu học. Đây là lúc người tu học thực sự có thể quyền biến trong hành động; hiểu được lẽ Trời Đất mà tường minh trong suy tư; thọ nhận sứ mạng để luôn tinh tấn trong hoạt động đạo sự. Cũng phải nói thêm rằng, người tu học trong hình ảnh quẻ Bát Thuần Tố luôn có thái độ khiêm nhường trong trọng trách thể Thiên hành hóa; giữ đúng mực của hạnh đức một người tu học chơn chánh.

Đức Giáo Tông từng dạy: *“Chư hiền hãy ghi nhận lời này: Thiên Liêng đã bảo chư hiền phục vụ cho nhơn sanh, đạo sẽ phục vụ cho chư hiền. Bàn Đạo nhắc lại cho chư hiền ghi lấy, nắm giữ quyền pháp đã ban cho thi hành đến nơi đến chốn, thọ lấy địa linh với Thiên ý, chỉ còn tùy theo nhơn tâm sẽ tự cứu rỗi hay tự hủy diệt. Tận độ toàn nhơn sanh hay đạo lạc toàn thế giới.*

Con ngựa hay thường khó trị. Muốn đạt đến một mục đích nào,

13. Huồn Cung Đàn, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

điều tiên quyết là thấu rõ mọi khía cạnh của vấn đề trước. Đừng đi sau con ngựa, chur hiền sẽ bị phủ bụi của nó. Đừng đi sau con voi, chur hiền sẽ bị dơ vì phóng uế. Hãy cầm cương ngựa, hãy cỡi lưng voi. Nếu chưa được, Bàn Đạo bảo cho, hãy tránh xa để khỏi bị giày đạp. Tránh xa không phải là chạy trốn mà tránh để sửa soạn sự thành công. Phía sau chur hiền là chuỗi ngày lịch sử, phía trước chur hiền là ánh sáng rực rỡ của Đức Thượng Đế, dưới chân chur hiền là nhọn loại, là hố sâu vực thẳm. Chỉ còn một việc hãy nhìn thẳng vào thực tế để chế ngự thực tế.

Cuối cùng Bàn Đạo muốn nói rõ: Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền pháp đạo chính là sự thương yêu giải thoát cai trị để tiến hóa.”¹⁴

D. TÓM TẮT

Nói tóm lại, chín quả Tiến đức Tu nghiệp, theo cách tìm hiểu trên, là chín bước tu tập của người tu học. Mỗi một bước là một hành trình đào sâu lý lẽ đúng đắn để định hướng cho hành vi: sửa trị thân tâm, đối nhân xử thế.

Học Thiên Trạch Lý là học về lễ, lập hạnh hòa đồng để chung cùng thế gian tu tiến. Học Địa Sơn Khiêm là học về tính công minh, nhã nhặn để hành động công chính. Học Địa Lô Phục là học về mối quan hệ của thân với vạn hữu để thực hiện sự trở về với căn nguyên tự hữu. Học Lô Phong Hằng là học về cách lập tâm bất thoái chuyển, kiên định đường tu, xử thời đúng lẽ để một lòng hướng thiện trong mọi cảnh. Học Sơn Trạch Tồn là về đức hy sinh vì điều cao quý để sửa trị tâm tánh cho hoàn

14. Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1967).

thiện. Học Phong Lô Ích là học đức vị tha vì lợi ích thiết thực cho tha nhân để thực tu trong hoàn cảnh thuận lợi. Học Trạch Thủy Khốn là học cách thức làm cho tâm trí tĩnh tại trong cảnh khó của trần sinh để thấu hiểu, cảm thông và bớt đi những ngã mạn, than oán để làm dày thêm phần đức hạnh. Học Thủy Phong Tĩnh là học cách gắn liền sự tu thân với sứ mạng hoằng hóa đạo Trời để tạo dựng đời sống an lạc, nhân bản và tiến bộ cho nhân sinh vạn hữu. Học Bát Thuần Tốn là học cách hành xử quyền biến mà không phô trương, giữ mực thường mà ảnh hưởng rộng lớn để thực hiện vai trò thế thiên hành hóa tại thế gian.

Tuy rằng Dịch nói chín quẻ trên bàn về cách thức sống trong lo âu, khổ nạn của bậc quân tử, nhưng đến ngày nay, Đức Thánh Trần Hưng Đạo đã nối kết cách thức sống thuận theo cảnh hoạn nạn đó thành bước tu tánh, tạo dựng nền tảng cho việc tu luyện tâm pháp về sau. Thật không khó hiểu khi Ôn Trên cũng từng nói, người tu trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải vượt qua ngưỡng quân tử.

Trở lên là những kiến giải của một tân sinh trong phần Dịch học. Chắc chắn còn phải bổ khuyết nhiều điều. Thế nên, bài viết là một đúc kết ngắn những suy nghĩ về chín quẻ Tiến đức Tu nghiệp trong mối liên hệ với lời giảng dạy của Thiêng Liêng qua Thánh giáo, Thánh ngôn. Qua đó, người học cảm nhận được phương cách ứng dụng Dịch lý trong đời sống tu học do Ôn Trên dạy. Người học vẫn còn phải học tập và suy nghĩ thêm về nội dung này. Mong rằng được nhận sự hỗ trợ, thảo luận đồng tìm hiểu của quý đồng đạo.

NHÓM KINH DỊCH CĂN BẢN - CQPTGLĐĐ

DỊCH HỌC TÂN SINH